

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số 183/2017/HSST  
Ngày 25 tháng 9 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung
- Các Hội thẩm: 1/ Ông Võ Thanh Liêm  
2/ Ông Ngô Hoàng Sơn
- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – Là thư Toà án
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Dương Phi Cát - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 180/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với:

Bị cáo Trần Thị Tú Q – sinh năm 1991; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp B, xã H, thành phố C; Chỗ ở: Ấp B, xã H, thành phố C; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn C và bà Tô Ngọc C; Chồng: Nguyễn Văn T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam: ngày 22/02/2017. Bảo lãnh tại ngoại ngày 03/3/2017. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn N - là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh C. (có mặt)

Bị hại:

1/ Bà Trương Thị T1, sinh năm 1966, trú ấp 6, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2/ Bà Mai Nguyễn Thụy Diễm T2, sinh năm 1985, trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3/ Ông Phan Minh Q, sinh năm 1967, trú tại khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

4/ Bà Trịnh Như Y, sinh năm 1990, trú tại ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

5/ Bà Nguyễn Bình Diễm P, sinh năm 1976, trú tại số 70 khóm 3, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

6/ Ông Trần Chí T, sinh năm 1991, trú tại khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

7/ Ông Mã Quốc K, sinh năm 1980, trú tại số 193, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

8/ Bà Phan Thị Mai C, sinh năm 1993, trú ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

9/ Bà Vũ Thị Vân A, sinh năm 1985, trú tại số 53, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

10/ Ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1992, trú ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính

Địa chỉ: số 194 Golden Building Điện Biên Phủ, phường 25, quận B, thành phố H.

Do anh Quách Ngọc Chí H, sinh năm 1981 đại diện theo ủy quyền. (có mặt)

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Trần Thị Tú Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 01/4/2014, Công ty Tài chính đã ký kết hợp đồng lao động với Trần Thị Tú Q. Nhiệm vụ của Q là nhân viên hỗ trợ kinh doanh cho Công ty tại khu vực C để tư vấn và làm các thủ tục hồ sơ ký kết hợp đồng cho vay trả góp cho các khách hàng khi có nhu cầu.

Trong quá trình làm việc, do gặp khó khăn về tài chính nên Q đã nảy sinh ý định nhân danh là nhân viên Công ty để lừa khách hàng nhằm chiếm đoạt tiền của họ nộp về Công ty. Thực hiện ý định đó, vào khoảng tháng 6 năm 2014, Q gọi điện thoại cho những khách hàng do Q trực tiếp làm hồ sơ vay vốn và nói dối với họ là phía Công ty đang có chương trình khuyến mãi giảm lãi suất dành cho khách hàng, nếu khách hàng đồng ý trả góp hàng tháng cho Công ty với số tiền tăng lên gấp 2 lần so với mức quy định thì được giảm lãi suất lần đầu là 500.000 đồng, lần hai là 600.000 đồng nhưng không vượt quá 800.000 đồng. Nếu khách hàng đồng ý trả hết số tiền còn nợ Công ty trong 1 lần duy nhất thì Công ty không tính lãi suất và chấm dứt hợp đồng với khách hàng. Nhưng số tiền trên phải giao trực tiếp cho Q để Q nộp về Công ty thì mới được hưởng những khuyến mãi trên. Nhưng thực tế khi Q nhận tiền của khách hàng thì không nộp hoặc nộp không đầy đủ về cho Công ty. Q thường trao đổi và thực hiện giao dịch với khách hàng tại phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nhằm tạo lòng tin cho khách hàng, sau khi nhận tiền từ khách hàng, Q tự tạo ra văn bản “Thư phúc đáp yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn”, “Phiếu nộp tiền – Deposit slip” rồi trực tiếp ký tên hoặc đóng dấu “Đã thu tiền” do Q đặt trước đó để giao cho khách hàng. Ngoài ra, Q còn lấy “Hóa đơn giá trị gia tăng (Tax Invoice)” của Ngân hàng Sacombank, sau đó ký tên và đóng dấu “Đã thu tiền” rồi giao cho khách hàng khi Q chiếm đoạt được tiền.

Bằng thủ đoạn trên, Q đã chiếm đoạt tiền của 10 khách hàng, với tổng số tiền là 213.906.000 đồng. Cụ thể chiếm đoạt của những khách hàng như sau:

1/ Bà Trương T1. Hợp đồng số 3417541446, ký ngày 14/3/2014, với số tiền là 32.279.000 đồng.

2/ Bà Mai Nguyễn Thụy Diễm T2. Hợp đồng số 3417440378, ký kết ngày 10/3/2014, với số tiền là 27.288.000 đồng.

3/ Ông Phan Minh Q. Hợp đồng số 3427242610, ký kết ngày 20/9/2014, với số tiền là 25.976.000 đồng.

4/ Bà Trịnh Như Y. Hợp đồng số 2301433942, ngày ký là 31/12/2013, với số tiền là 25.669.000 đồng.

5/ Bà Nguyễn Bình Diễm P. Hợp đồng số 2301353841, ký kết ngày 20/12/2013, với số tiền là 22.841.000 đồng.

6/ Ông Trần Chí T3. Hợp đồng số 3419338692, ký kết ngày 15/4/2014, với tổng số tiền là 17.820.000 đồng.

7/ Ông Mã Quốc K. Hợp đồng tín dụng số 2400210650, ký ngày 20/01/2014, với số tiền là 25.570.000 đồng.

8/ Bà Phan Thị Mai C. Hợp đồng tín dụng số 3418193625, ký kết ngày 24/3/2014, với số tiền là 11.735.000 đồng.

9/ Bà Vũ Thị Vân A. Hợp đồng tín dụng số 2300827072, ký kết ngày 23/9/2013, với số tiền là 10.228.000 đồng.

10/ Ông Nguyễn Thái N. Hợp đồng tín dụng số 3426413815, ký kết ngày 04/9/2014, với số tiền là 14.500.000 đồng.

Ngày 05/11/2014, Công ty quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với Q vì Q vi phạm quy trình làm việc của Công ty, Q sử dụng mã code của nhân viên khác để làm hợp đồng tín dụng cho khách hàng. Đến ngày 26/6/2015, phía Công ty phát hiện hành vi Q chiếm đoạt tiền của khách hàng. Công ty cử nhân viên đến trực tiếp làm việc với Q, thì Q đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền của những khách hàng trên và thỏa thuận, cam kết với Công ty là Q sẽ đứng ra trả số tiền khách hàng nợ cho Công ty.

Tại bản Kết luận giám định số 147-GĐ-2016 ngày 26/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

Chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Thị Tú Q”, ký và viết dưới cụm từ: “SA ký tên” trên “Thư phúc đáp yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn” ngày 18/7/2014 so với 06 chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Thị Tú Q”, ký và viết dưới cụm từ “để phục vụ cho công tác giám định” trên “Biên bản V/v thu mẫu chữ ký, chữ viết của Trần Thị Tú Q” ngày 22/12/2016 là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký dưới mục “Thanh toán tiền vay hợp đồng...” trên “Phiếu nộp tiền – Deposit slip” ngày 18/7/2014 so với 06 chữ ký phía dưới có họ tên Trần Thị Tú Q

trên “Biên bản V/v thu mẫu chữ ký, chữ viết của Trần Thị Tú Q” ngày 22/12/2016 là do cùng một người ký ra.

Hiện tại, Q đã nộp khắc phục số tiền đã chiếm đoạt của khách hàng về cho Công ty, bị hại không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với Q, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Tại bản Cáo trạng số 167/KSĐT-KT ngày 17/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố Trần Thị Tú Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Tú Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, l, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã nêu, chỉ mong Hội đồng xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Tú Q thừa nhận trong khoảng thời gian làm nhân viên cho Công ty tài chính, phụ trách hỗ trợ kinh doanh tại khu vực thành phố C từ ngày 01/4/2014 đến ngày 05/11/2014, bị cáo có hành vi gian dối với 10 khách hàng do bị cáo là người trực tiếp tư vấn, để chiếm đoạt tổng số tiền là 213.906.000 đồng nhằm chi xài cá nhân.

Xét lời khai nhận nhận tội của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của mười bị hại và đại diện Công ty, cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do khó khăn về kinh tế, muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

Thực tế, là nhân viên hợp đồng của Công ty làm nhiệm vụ tư vấn, thẩm định và lập hồ sơ cho khách hàng vay trả góp, trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2014 đến ngày 05/11/2014, bị cáo bằng nhiều thủ đoạn gian dối như điện thoại cho khách hàng nói với họ Công ty đang có chương trình khuyến mãi giảm lãi suất, nếu khách hàng đồng ý trả góp cho Công ty với số tiền tăng lên gấp hai lần so với quy định thì được giảm lãi suất lần đầu là 500.000 đồng, lần hai là 600.000 đồng nhưng không vượt quá 800.000 đồng, nếu khách hàng đồng ý trả hết số tiền còn nợ Công ty trong một lần duy nhất thì Công ty không tính lãi suất và chấm dứt hợp đồng, nhưng số tiền trên phải giao trực tiếp cho bị cáo để bị cáo trực tiếp nộp về Công ty mới được hưởng khuyến mãi trên. Nhằm tạo lòng tin cho khách hàng, bị cáo tự tạo ra văn bản “Thư phúc đáp yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn”, lập

“phiếu nộp tiền”, chuẩn bị sẵn con dấu “Đã thu tiền”, ký tên vào hóa đơn giá trị gia tăng của Ngân hàng Sacombank. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của mười bị hại là 213.906.000 đồng.

Hành vi của bị cáo như đã nêu trên đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó Cáo trạng số 167/KSĐT-KT ngày 17/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo Trần Thị Tú Q về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là gây nguy hại cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bởi hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của mười bị hại một cách trái pháp luật, mà hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Với tính chất và mức độ thực hiện tội phạm của bị cáo, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự, phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian nhằm để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích và cũng nhằm để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó lời đề nghị của Luật sư cũng như đề nghị của bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bản thân, tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; Xét về nhân thân bị cáo, bị cáo có bà cố tên Nguyễn Thị Đ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sau khi phạm tội bị cáo đang mang thai, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp lại cho Công ty toàn bộ số tiền mà các bị hại đã nộp trả cho Công ty, tại phiên tòa đại diện Công ty xác định đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo qui định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Tú Q phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Tú Q 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Thời gian tạm giam từ ngày 22/02/2017 đến ngày 03/3/2017 được đối trừ thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Tú Q, anh Mã Quốc K và Công ty tài chính có mặt nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; BH; NLQ;
- VKS tp.C;
- CAND tp.C;
- TAND T.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT (TM: TAND TpC).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Phạm Việt Trung**